



Review Article

# Developing a Standardized Elementary Teacher Teaching Competence Self-assessment Tool

Le Thai Hung\*, Nguyen Thi Bich, Cao Thi Sinh

*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 08 March 2020

Revised 17 August 2020; Accepted 21 August 2020

**Abstract:** This paper aims to develop a standardized self-assessment tool to assess elementary teachers' teaching competence. The paper surveyed 375 elementary school teachers and the survey results show that the developed toolkit was highly reliable with Cronbach's Alpha Coefficient  $> 0.7$ . Among the five identified competencies, the professional development competence in response to the new general education curriculum was self-assessed at the lowest level by the teachers (mean = 2.5/4, SD = 0.5). The standardized toolkit is expected to help elementary school teachers self-assess and improve their skills to meet the required standards.

**Keywords:** Competence, teaching competence, self-assessment, professional standards.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [hunglethai82@gmail.com](mailto:hunglethai82@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4446>

# Phát triển công cụ tự đánh giá năng lực dạy học của giáo viên tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp

Lê Thái Hưng\*, Nguyễn Thị Bích, Cao Thị Sinh

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 3 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 8 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 8 năm 2020

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục như hiện nay thì trình độ và năng lực của giáo viên được coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự thành công của chương trình mới. Bên cạnh đó, tiểu học là bậc học đầu tiên của giáo dục phổ thông góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Bài báo xây dựng và chuẩn hóa công cụ tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực dạy học theo chuẩn nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả khảo sát trên 375 giáo viên trên địa bàn Thành phố Hà Nội cho thấy độ tin cậy công cụ ở mức tốt (Hệ số Cronback's Anfa > 0,7). Trong năm năng lực thành phần được xác định thì năng lực phát triển chuyên môn theo chương trình mới được giáo viên tự đánh giá ở mức thấp nhất (TB = 2,5/4, DLC = 0,5). Công cụ sau khi chuẩn hóa sẽ góp phần giúp giáo viên có thể tự đánh giá, điều chỉnh những năng lực cần thiết.

*Từ khóa:* Năng lực, năng lực dạy học, tự đánh giá, chuẩn nghề nghiệp.

## 1. Đặt vấn đề

Cha mẹ học sinh nhận thức rằng, nếu muốn thành công trong cuộc sống thì con cái họ phải được học hành với những giáo viên có năng lực tốt và có tay nghề. Do đó, chất lượng giáo viên giảng dạy và chất lượng chương trình đào tạo được các quốc gia ngày càng chú ý nhiều hơn. Ở Việt Nam cũng vậy, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng quyết định thành công của quá trình đổi mới giáo dục theo quan điểm cũng như tầm nhìn của Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết 29,

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 20 ngày 22 tháng 08 năm 2018 về “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông”. Một trong bốn mục đích chính ban hành Thông tư 20 là “Làm căn cứ để giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”. Nghiên cứu này sẽ phát triển công cụ tự đánh giá của giáo viên tiểu học thông qua thiết kế và chuẩn hoá dựa trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành, các nghiên cứu trên thế giới và các lý thuyết về đánh giá. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp giáo viên tiểu học thường xuyên tự tham chiếu với hoạt động dạy học để cải thiện và nâng cao năng lực dạy học của bản thân.

## 2. Cấu trúc và thang đánh giá năng lực dạy học

### 2.1. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên

Năng lực nghề nghiệp là kỹ năng và kiến thức của các thành viên trong một tổ chức nhằm

\* Tác giả liên hệ.

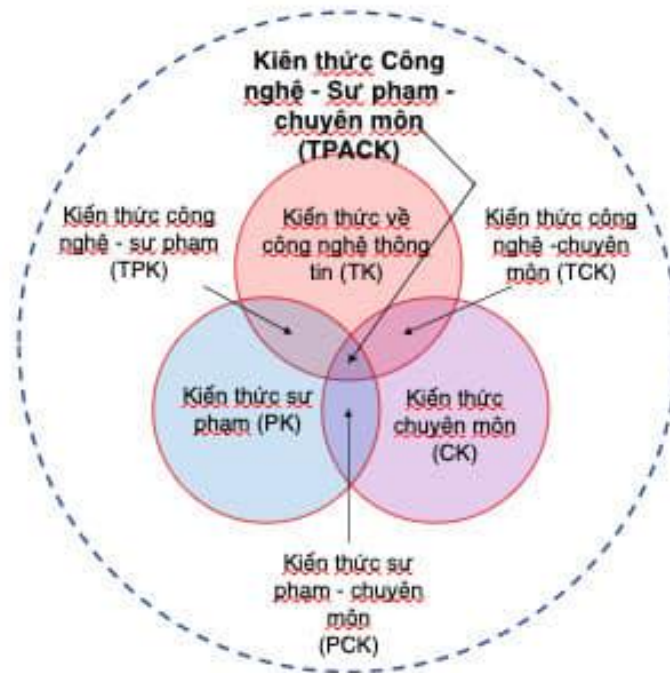
Địa chỉ email: hunglethai82@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4446>

thực hiện thành công một công việc nào đó theo nghề nghiệp họ đang làm. Hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp được thực hiện thông qua nhiều hình thức học tập khác nhau từ việc tham gia các chương trình đào tạo được cấp bằng đến các hoạt động học thuật tham dự hội thảo, hội nghị hay các khóa tập huấn (Villegas - Reimers, 2003) [1].

Shulman (1986, 1987) đã đưa ra cấu trúc kiến thức nghề nghiệp giáo viên gồm có 7 khía cạnh [2-4]: i) Kiến thức sư phạm chung (các nguyên tắc và chiến lược xuyên chương trình về quản lý và tổ chức lớp học); ii) Kiến thức liên quan đến nội dung (kiến thức về nội dung môn học và logic cấu trúc của môn học); iii) Kiến thức liên quan đến nội dung sư phạm (kiến thức tích hợp giữa kiến thức nội dung của một môn học cụ thể và kiến thức sư phạm liên quan đến giảng dạy môn học cụ thể đó); iv) Kiến thức về chương trình (kiến thức về các tài liệu và

chương trình theo môn và cấp độ); v) Kiến thức về học sinh và đặc điểm của học sinh; vi) Kiến thức về bối cảnh giáo dục (kiến thức về lớp học, cơ chế quản lý và tài chính của nhà trường, văn hóa nhà trường); và vii) Kiến thức về mục tiêu, mục đích, giá trị giáo dục và nền tảng triết học và lịch sử của chúng. Trên cơ sở này Koehler & Mishra đã phát triển mô hình TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge) và hiện nay được nhiều học giả quan tâm, đây là mô hình xác định những kiến thức mà người dạy cần có để có thể giảng dạy hiệu quả với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin [5]. Ba thành tố chính của TPACK gồm: kiến thức về lĩnh vực dạy-học (CK - Content Knowledge), kiến thức về phương pháp sư phạm (PK - Pedagogical Knowledge) và kiến thức về công nghệ thông tin (TK - Technological Knowledge); kết hợp với nhau tạo một mô hình tổng hợp về năng lực cần có của giáo viên:



Hình 1. Mô hình Tpack.

Để việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy-học có hiệu quả, người giáo viên cần có cả 3 mảng kiến thức trên, nhưng việc vận dụng,

mức độ tham gia của từng khối kiến thức trong những hoàn cảnh, bài học cụ thể phải linh hoạt. Sự khác biệt liên quan đến các thành phần mà

họ tích hợp trong kiến thức nội dung sư phạm (PCK), và với các tên gọi hoặc mô tả cụ thể của các thành phần này. Tuy nhiên, hầu hết các học giả đều đồng ý về hai thành phần chính do Shulman đề xuất: i) Kiến thức về các chiến lược giảng dạy kết hợp việc trình bày vấn đề thuộc môn học và phản ứng với những khó khăn cụ thể trong học tập; và ii) Nhận thức của học sinh đối với vấn đề thuộc môn học đó. Trên cơ sở này, “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông” của Việt Nam được xây dựng với 5 năng lực phẩm chất cốt lõi: i) Phẩm chất nhà giáo; ii) Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; iii) Xây dựng môi trường giáo dục; iv) Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; và v) Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục. Trong đó liên quan đến năng lực dạy học được mô tả khá toàn diện trong tiêu chuẩn về phát triển chuyên môn nghiệp vụ như là: Phát triển chuyên môn bản thân; Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh; Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Tư vấn và hỗ trợ học sinh.

## 2.2. Năng lực dạy học của giáo viên

Năng lực dạy học (NLDH) là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với giáo viên. Theo tác giả Đậu Thị Hòa (2018) [6], năng lực dạy học là một thành phần quan trọng của năng lực sư phạm giúp giáo viên thực hiện hoạt động dạy học đạt được kết quả tốt nhất. Theo tác giả Nguyễn Thị Trúc Minh [7], giáo viên có năng lực dạy học là người nắm vững môn khoa học

minh dạy; biết chế biến tài liệu và vận dụng các phương pháp dạy học thích hợp để tổ chức hoạt động học cho học sinh; hiểu được học sinh của mình, dự đoán trước được những ý kiến phát biểu của học sinh và xử lý phù hợp các tình huống dạy học. Năng lực dạy học là khả năng huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của cá nhân nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ dạy học. OCED (2009) đã phân biệt rõ ràng khái niệm năng lực giảng dạy (năng lực dạy học) và năng lực của giáo viên. Ở đây, năng lực dạy học nhấn mạnh vào vai trò của giáo viên trên lớp và gắn trực tiếp với công việc dạy học - bao gồm kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tích cực tạo ra hành động tích cực. Từ những nghiên cứu trên, tác giả bài báo này quan niệm: *Năng lực dạy học là khả năng vận dụng kiến thức để xây dựng kế hoạch dạy học, phương pháp dạy học và định hướng học tập cho học sinh theo chương trình quy định, khả năng vận dụng kỹ năng để truyền tải kiến thức đến học sinh, hiểu tâm lý học sinh, đánh giá học sinh công bằng, kịp thời để giúp học sinh tiến bộ và xây dựng được môi trường học tập hiệu quả trong một tiết học.*

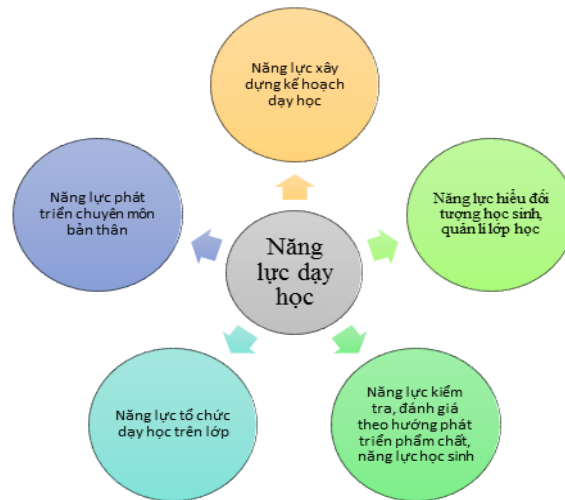
## 2.3. Cấu trúc năng lực dạy học

Trên cơ sở những nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp, năng lực dạy học và những tiêu chí liên quan đến năng lực dạy học trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên, tác giả sử dụng cấu trúc năng lực dạy học của giáo viên tiểu học gồm các thành tố sau (Hình 2):

*Nhóm năng lực phát triển chuyên môn bản thân (NL1).* Giáo viên có ý thức thường xuyên, chủ động tham gia các khoá bồi dưỡng; tự học tự nghiên cứu để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ dạy học. Một số nhiệm vụ có liên quan đến năng lực này là (Hộp 1):

Hộp 1. Nhiệm vụ liên quan đến phát triển chuyên môn bản thân (NL1)

- ✓ Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định.
- ✓ Xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân.
- ✓ Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn.
- ✓ Hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp về phát triển chuyên môn của bản thân.



Hình 2. Mô hình đề xuất năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học.

*Nhóm năng lực xây dựng kế hoạch dạy học (NL2).* Xây dựng kế hoạch dạy học cho bài học là một quá trình có tính hệ thống để biến các nguyên tắc dạy học thành kế hoạch hoạt động dạy, hoạt động học và sử dụng, khai thác phương tiện, tài liệu học tập. Thiết kế bài học gắn với việc viết mục tiêu bài học, xác định nội dung và hoạt động dạy học, thiết kế các tài liệu học tập. Các nhiệm vụ liên quan bao gồm (Hộp 2):

Hộp 2. Nhiệm vụ liên quan đến lập kế hoạch dạy học (NL2)

- Nghiên cứu chương trình giáo dục tiểu học.
- Lập kế hoạch dạy học theo năm học.
- Nghiên cứu sách giáo khoa các môn dạy học.
- Xác định rõ mục tiêu (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của bài học trong từng tiết dạy mà học sinh cần đạt.
- Phân tích đặc điểm môi trường lớp học để có hình thức tổ chức dạy học phù hợp.
- Xây dựng kế hoạch bài học (soạn giáo án) cho từng môn học.
- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học phù hợp với tình hình thực tế.
- Lập dàn ý, bố cục bài giảng, mô hình giảng dạy của từng môn học.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng.
- Xác định các hoạt động mà học sinh cần thực hiện trong từng bài dạy.

*Nhóm năng lực hiểu đối tượng học sinh, xử lý tình huống trong dạy học (NL3).* Đối tượng học sinh ta đề cập đến ở đây là cấp học tiểu học, hiểu đối tượng học sinh là yêu cầu giáo viên cần có, hiểu về tâm lý lứa tuổi học sinh mà mình đang giảng dạy, môi trường các em đang theo học. Nhiệm vụ thực hiện ở năng lực này như sau (Hộp 3):

Hộp 3. Nhiệm vụ liên quan đến tìm hiểu học sinh và xử lý tình huống trong dạy học (NL3)

- Nghiên cứu hồ sơ học sinh đầu năm học mới.
- Thu thập thông tin, ý kiến phản hồi từ phụ huynh về tính cách của học sinh.
- Hiểu phong tục, tập quán địa phương nơi mình đang công tác.
- Trao đổi lấy thông tin giáo viên cũ đã dạy học sinh của năm học trước.
- Có thái độ niềm nở, cởi mở khi giảng bài với học sinh.
- Quan sát khả năng giao tiếp (cử chỉ, điệu bộ, hành vi) của học sinh qua các hoạt động trên lớp học.
- Tìm hiểu hoàn cảnh gia đình học sinh, xác định được học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đưa lên nhà trường để có chính sách hỗ trợ kịp thời.
- Tạo môi trường học tập vui vẻ, đoàn kết trong lớp.

Nhóm năng lực tổ chức dạy học trên lớp (NL4). Tổ chức dạy học trên lớp chính là cách thức truyền tải kiến thức đến với học sinh. Truyền tải kiến thức dạy cần có phương pháp dạy học tốt. Phương pháp dạy học là những cách thức làm việc giữa giáo viên và học sinh, nhờ đó mà học sinh nắm vững được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành được thế giới quan và năng lực cần thiết. Nhiệm vụ thực hiện ở năng lực này có thể gồm (Hộp 4):

Hộp 4. Nhiệm vụ liên quan đến tổ chức dạy học trên lớp (NL4)

- Sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn, dễ hiểu khi giao tiếp và giảng dạy.
- Liên hệ với kinh nghiệm đã có của học sinh.
- Khích lệ học sinh tự tin đặt câu hỏi khi chưa hiểu kiến thức được dạy.
- Xây dựng không khí lớp học vui vẻ, đoàn kết.
- Ôn lại kiến thức bài học cũ cho học sinh để sẵn sàng cho tiết học mới.
- Vận dụng hiệu quả phương pháp dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Dạy học sinh cách học và tự lĩnh hội kiến thức.
- Xây dựng câu hỏi phát triển kỹ năng làm chủ kiến thức cho học sinh: làm việc theo nhóm, thuyết trình, phân biện.
- Sử dụng phương pháp dạy học bằng trải nghiệm với các môn học phù hợp.
- Nhận xét, khuyến khích kịp thời học sinh trong từng bài dạy.
- Liên hệ thực tiễn với kiến thức trong bài giảng.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.
- Sử dụng kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy để bồi dưỡng học sinh khá, giỏi.
- Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kinh nghiệm vận dụng phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Nhóm năng lực kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (NL5). Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh là năng lực cần thiết của giáo viên tiểu học ngày nay. Nhiệm vụ thực hiện ở năng lực này như sau (Hộp 5):

Hộp 5. Nhiệm vụ liên quan đến theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (NL5)

- Xác định được phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh phù hợp.
- Xây dựng tiêu chí để học sinh đánh giá chéo với nhau.
- Thiết kế được công cụ kiểm tra đánh giá học sinh.
- Chủ động cập nhật các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.
- Đánh giá kết quả học tập, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp giúp học sinh tiến bộ.
- Tổ chức các bài kiểm tra giữa kì, cuối kì và kiểm tra thường xuyên cho học sinh.

#### 2.4. Thang đánh giá năng lực dạy học

Năng lực của giáo viên được hình thành và phát triển trên cơ sở thực hiện các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Mô hình năng lực (Competence Model) tạo ra sự gắn kết mật thiết giữa những hiểu biết về chuyên môn, khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và quá trình phát triển phẩm chất cá nhân và giá trị nghề nghiệp. Tham khảo mô hình năng lực Biết-Làm-Phát triển (Know/Do/Be) của Drake [8]:

- Những kiến thức, hiểu biết nào là quan trọng để thực hiện việc dạy học, giáo dục học sinh và phát triển cá nhân?
- Các quá trình đó cần phải được thực hiện như thế nào cho hiệu quả?
- Thực sự giáo viên muốn trở thành người như thế nào trong các quá trình này?

Kết hợp với thang đánh giá 3 mức của chuẩn giáo viên hiện hành (đạt, khá, tốt), trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang 4 mức độ tự đánh giá năng lực dạy học của giáo viên tiểu học bao gồm:

- *Mức độ 1: Chưa đạt:* Giáo viên có kiến thức về nhiệm vụ cần đạt trong năng lực dạy học nhưng không tự tin thể hiện năng lực.

- *Mức độ 2: Đạt yêu cầu:* Giáo viên có kiến thức và đã từng vận dụng phương pháp trong dạy học nhưng chưa tự tin thực hiện, họ có thái độ cầu thị, cần được hướng dẫn và bồi dưỡng thêm để thực hành tốt hơn.

- *Mức độ 3: Tốt:* Giáo viên thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về năng lực dạy học và họ có thái độ rất tự tin khi thực hiện.

- *Mức độ 4: Rất tốt:* Giáo viên không chỉ có khả năng thực hiện nhiệm vụ về năng lực dạy học thành thạo mà còn thể hiện rất tự tin và linh hoạt trong từng tiết dạy; có thể dẫn dắt đồng nghiệp.

### 3. Phương pháp đánh giá năng lực dạy học

*Đánh giá qua quan sát.* Quan sát là ghi chép mọi yếu tố liên quan đến đối tượng nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu nhằm mô tả, phân tích, nhận định và đánh giá về văn hóa, môi trường, trường học, sự tương tác giữa con người với con người. Trong quá trình dạy học thì đó là quan sát sự tương tác giữa giáo viên với học sinh, giữ học sinh với học sinh. Phương pháp này thường được các cấp quản lí, ban giám hiệu nhà trường sử dụng. Đánh giá qua quan sát là thông qua quan sát mà đánh giá các thao tác, hành vi, kĩ năng thực hành cũng như cách giải quyết vấn đề trong một tình huống cụ thể.

*Đánh giá qua hồ sơ.* Hồ sơ giảng dạy là tài liệu lưu trữ kế hoạch dạy có thể sử dụng để xác định và điều chỉnh quá trình giảng dạy của giáo viên. Hồ sơ dạy học quan trọng đối với mỗi giáo viên, giáo viên có thể lưu trữ giáo án, các đề kiểm tra của học sinh, điểm kiểm tra của học sinh.

*Đánh giá đồng đẳng.* Đánh giá đồng đẳng là quá trình đánh giá được thực hiện bởi các giáo viên giảng dạy cùng chuyên môn, cùng độ tuổi học sinh sẽ cùng đánh giá các công việc lẫn nhau. Giáo viên đánh giá chéo nhau dựa trên các tiêu chí đã được định sẵn.

*Đánh giá qua các bài nghiên cứu khoa học, bài báo.* Là một hình thức nghiên cứu khoa học do một giáo viên hoặc một nhóm giáo viên thực hiện về một đề tài nghiên cứu liên quan đến giáo dục, kĩ năng giảng dạy, thực trạng các vấn đề ở trường học,... có đánh giá, có đề xuất ý tưởng cải tiến.

*Đánh giá thông qua nhìn lại quá trình (Tự đánh giá).* Tự đánh giá trong dạy học là phương pháp đánh giá mà giáo viên tự liên hệ đến phần nhiệm vụ đã thực hiện với các mục tiêu của quá trình dạy học. Giáo viên sẽ tự đánh giá sự tiến bộ cá nhân, nhìn lại quá trình và phát hiện những điểm cần thay đổi hay điều chỉnh để hoàn thiện bản thân. Trong nghiên cứu này, tác giả chỉ đề cập đến một phương thức đánh giá là giáo viên tự đánh giá thông qua phiếu hỏi. Đối với việc đảm bảo chất lượng dạy học của giáo viên thì tự đánh giá là một trong những phương thức, hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của giáo viên. Thông qua việc tự đánh giá, giáo viên sẽ nhìn nhận lại và có cơ hội để hoàn thiện và phát triển bản thân mình. Hay nói cách khác, tự đánh giá là phương tiện để từng cá nhân giáo viên xác định năng lực và hiệu quả dạy học của mình.

### 4. Công cụ tự đánh giá năng lực dạy học

Dựa trên việc xác định các thành tố, nhiệm vụ và thang đánh giá của năng lực dạy học của giáo viên tiểu học, nghiên cứu tiến hành thiết kế và chuẩn hoá phiếu tự đánh giá với các bước thực hiện: xin ý kiến chuyên gia về nội dung phiếu, thử nghiệm trên 10 giáo viên để ước lượng thời gian thực hiện và điều chỉnh cách diễn đạt các items. Kết quả lấy dữ liệu 220 giáo viên, số phiếu thu về là 202 chiếm 91,8%. Bản dự thảo gồm 40 câu hỏi (trong đó có 32 câu thuộc nhóm biến phụ thuộc, 8 câu hỏi thuộc nhóm biến độc lập). Độ tin cậy của bảng hỏi được xét thông qua hệ số alpha cronback của từng nhóm năng lực Bảng 1).

Theo George và Mallery (2003) độ tin cậy cronbach's Alpha > 0,9 là rất tốt, từ 0,8 đến 0,9 là tốt. Từ 0,7 đến 0,8 là chấp nhận được. Như vậy, sau khi thử nghiệm và điều chỉnh bảng hỏi, độ tin cậy của các nhóm đều ở mức chấp nhận được. Tương quan biến tổng của các câu hỏi trong các nhóm đều > 0,3 chứng tỏ các biến đều đạt yêu cầu. Tiến hành phân tích nhân tố các biến thuộc thu được các kết quả như sau. Kiểm định KMO và Barlett's cho kết quả như Bảng 2.

Bảng 1. Kết quả phân tích hệ số alpha cronback từng nhóm năng lực

Nhóm	Số câu hỏi	Độ tin cậy
Chuyên môn	4	0,806
Lập kế hoạch	5	0,750
Tâm lý	5	0,768
Tổ chức dạy học	10	0,848
Đánh giá	4	0,766

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố

KMO and Bartlett's Test		
Kiểm định KMO		0,926
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	3742,395
	df	325
	Sig.	0,000

Kết quả kiểm định  $KMO = 0,926 > 0,5$  như vậy các biến phù hợp phân tích nhân tố. Kiểm định Bartlett's với giả thuyết  $H_0$  là mô hình phân tích nhân tố không phù hợp cho kết quả hệ số bằng 3742,395 với mức độ ý nghĩa  $0,00 < 0,05$ . Bác bỏ  $H_0$ , chứng tỏ có thể chấp nhận sử dụng mô hình phân tích nhân tố cho dữ liệu này. Kết quả ma trận nhân tố xoay sau khi loại bỏ 06 biến không phù hợp được thể hiện qua bảng dưới đây (Bảng 3). Theo Gair và cộng sự (2009, tr116). Giá trị tiêu chuẩn của hệ số tải ở mức  $> 0,3$  là điều kiện tối thiểu để biến được

giữ lại, ở mức  $> 0,5$  là ý nghĩa thống kê tốt và ở mức  $> 0,7$  là ý nghĩa thống kê rất tốt. Với kích thước mẫu  $> 350$  giá trị 0,3 được coi là có ý nghĩa thống kê. Như vậy, với cỡ mẫu 374 mức hệ số tải của các câu hỏi đều lớn hơn 0,3 là có ý nghĩa thống kê, các câu hỏi được chia vào 5 nhóm như lý thuyết. Kết quả này khẳng định, nhóm năng lực được đề xuất trong cấu trúc năng lực dạy học với các 26 tiêu chí giữ lại là phù hợp; có thể sử dụng kết quả tự đánh giá của giáo viên trong khảo sát này.

Bảng 3. Ma trận nhân tố xoay

	Thành tố				
	1	2	3	4	5
A1.1		0,540			
A1.2		0,727			
A1.3		0,776			
A1.4		0,690			
A2.2					0,786
A2.3					0,641
A2.4					0,414
A2.5					0,347
A3.1				0,660	
A3.2				0,779	
A3.3				0,704	
A3.4				0,361	
A3.5				0,319	
A3.6	0,463				
A3.7	0,622				



A3.8	0,531				
A4.1	0,580				
A4.2	0,616				
A4.3	0,552				
A4.4	0,615				
A4.5	0,574				
A4.6	0,577				
A5.1			0,422		
A5.2			0,458		
A5.3			0,766		
A5.4			0,701		

### 5. Mức độ đáp ứng năng lực dạy học theo chuẩn nghề nghiệp

Nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm công cụ tự đánh giá trên 368 giáo viên tiểu học tại các trường thuộc khu vực Hà Nội: nam chiếm 15,5% và nữ chiếm 84,5%; khu vực nội thành chiếm 26,4%, ngoại thành chiếm 73,6%. Thâm niên công tác: dưới 10 năm tham gia trả lời phiếu chiếm 24%, từ 11-20 năm chiếm 39% và trên 20 năm tham gia trả lời phiếu chiếm 37%. Kết quả thống kê mô tả điểm trung bình các tiêu chí của năng lực thành phần cho thấy các giá trị đều nằm giữa mức đạt và mức tốt, sắp xếp thứ tự tăng dần: điểm trung bình năng lực phát triển chuyên môn bản thân (2,53 điểm); điểm trung bình năng lực kiểm tra đánh giá (2,75 điểm); cùng xếp thứ 3 là điểm trung bình

năng lực hiểu đối tượng học sinh, quản lý lớp học và năng lực tổ chức dạy học trên lớp (2,85 điểm), cao nhất là điểm năng lực xây dựng kế hoạch dạy học (2,90). Để đối sánh kết quả, nghiên cứu cũng chọn ra 03 giáo viên có kết quả tự đánh giá ở 3 mức khác nhau, tiến hành sử dụng phương pháp chuyên gia để nghiên cứu hồ sơ dạy học của giáo viên. Kết quả cho thấy, có sự phù hợp tương đối giữa hai kết quả đánh giá. Mặt khác khi phân tích phổ điểm (quy điểm từ 1 đến 4, tương ứng với 4 mức của 26 tiêu chí), bước đầu cũng cho thấy khả năng phân biệt năng lực dạy học giữa các giáo viên của công cụ tự đánh giá. Phân bố điểm năng lực dạy học và các năng lực thành phần gần đạt phân bố chuẩn (điểm trung bình, trung vị, điểm trội gần bằng nhau):

Bảng 4. Thống kê mô tả điểm năng lực dạy học và các năng lực thành phần

	NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL	
Điểm trung bình	10,1301	11,6387	23,0520	14,1618	11,0405	58,9827	
Sai số trung bình	0,13006	0,10395	0,17859	0,12007	0,10149	0,44486	
Điểm trung vị	10,0000	12,0000	23,0000	14,0000	11,0000	60,0000	
Điểm trội	12,00	12,00	24,00	15,00	12,00	63,00	
Độ lệch chuẩn	2,41921	1,93356	3,32189	2,23343	1,88774	8,27497	
Phương sai	5,853	3,739	11,035	4,988	3,564	68,475	
Điểm thấp nhất	2,00	5,00	15,00	8,00	5,00	37,00	
Điểm cao nhất	16,00	16,00	32,00	20,00	16,00	84,00	
Tứ vị phân	25	9,0000	11,0000	21,0000	13,0000	10,0000	54,0000
	50	10,0000	12,0000	23,0000	14,0000	11,0000	60,0000
	75	12,0000	12,0000	25,0000	15,0000	12,0000	63,0000

Một số kết quả phân tích kiểm định so sánh giá trị trung bình năng lực dạy học giữa các nhóm giáo viên khảo sát cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về năng lực dạy học của giáo viên nội thành và ngoại thành; tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa giữa các nhóm giáo viên theo độ tuổi. Giáo viên có kinh nghiệm thường kết quả tự đánh giá cao hơn.

## 6. Kết luận

Năng lực dạy học có vai trò quan trọng trong giáo dục nói chung và trong mỗi giáo viên nói riêng, đặc biệt trong công tác giảng dạy tại các trường học hiện nay. Nghiên cứu đã điều tra năng lực dạy học của giáo viên tiểu học bước đầu áp dụng khảo sát tại một số trường khu vực Hà Nội dựa trên việc thiết kế công cụ tự đánh giá. Cấu trúc năng lực dạy học đề xuất trên cơ sở các nghiên cứu đi trước và chuẩn nghề nghiệp có sự logic, chặt chẽ thông qua kết quả phân tích nhân tố. Kết quả phân tích thống kê đã cho thấy độ tin cậy và khả năng phân biệt của công cụ tự đánh giá. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi với năng lực dạy học. Ngược lại, không nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm năng lực giữa 2 vùng nội thành và ngoại thành Hà Nội. Công cụ có thể sử dụng để giáo viên tiểu học có thể tham chiếu thường xuyên với bản thân nhằm không ngừng học hỏi và rèn luyện nâng cao năng lực dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

## Tài liệu tham khảo

- [1] E. Villegas-Reimers, *Teacher Professional Development: An International Review of the Literature*, Paris: UNESCO International Institute for Educational Planning, 2003.
- [2] L. Shulman, Those who understand: Knowledge growth in teaching, *Educational Researcher* 15(2) (1986a) 4-14.
- [3] L. Shulman, Paradigms and research programs in the study of teaching: A contemporary perspective. In M. Wittrock (Ed.), *Handbook of research on teaching* (3rd ed.), New York: Macmillan, 1986b.
- [4] L. Shulman, Knowledge and teaching: Foundations of the new reform, *Harvard Educational Review* 57(1) (1987) 1-22.
- [5] M.J. Koehler, P. Mishra, What is technological pedagogical content knowledge?, *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education* 9(1) (2009) 60-70.
- [6] D.T. Hoa, Improve teaching competence for elementary teachers towards the developing students' competencies, *Vietnam journal of education* 426 (2018) 17 (in Vietnamese).
- [7] N.T.T. Minh, Components of arithmetics teaching competence of students majoring in Primary Education, *Vietnam journal of education* 429 (2018) 36 (in Vietnamese).
- [8] S.M. Drake, Integrated Curriculum as an Effective Way to Teach 21st Century Capabilities, *Asia Pacific Journal of Educational Research* 1(1) (2018) 31-50.